

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND

Đức Phổ, ngày tháng năm 2023

V/v góp ý dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2024

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi

Thực hiện Công văn số 3137/SNNPTNT-TTBVTV ngày 01/8/2023 Sở Nông nghiệp và PTNT về góp ý dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2024;

Qua nghiên cứu, UBND thị xã có ý kiến như sau:

- Đề nghị bổ sung một số loại cây chưa có trong dự thảo Quyết định của UBND tỉnh (có phụ lục kèm theo).
- Các nội dung khác thống nhất như dự thảo.

UBND thị xã Đức Phổ có ý kiến như trên để Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ngãi tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Chánh, Phó Chánh VP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Minh Vương

PHỤ LỤC**Đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi
Nhà nước thu hồi đất***(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND của UBND thị xã Đức Phổ)***1. Cây hàng năm trồng lẻ, phân tán**

STT	Chủng loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
1	Cây ăn quả		
1.1	Đủ đủ		
	Cây mới trồng cao <0,5m	đồng/cây	10.000
	Cây trồng cao \geq 0,5m, chưa cho quả	đồng/cây	40.000
	Cây cho quả	đồng/cây	100.000
1.2	Dứa, thơm (khóm)		
	Cây mới trồng, chưa có bụi	đồng/cây	5.000
	Cây chưa cho quả	đồng/bụi	15.000
	Cây cho quả	đồng/bụi	25.000
1.3	Dưa hấu, dưa hồng, dưa lê, dưa gang		
	Cây mới trồng	đồng/m ²	5.000
	Cây chưa cho quả	đồng/m ²	10.000
	Cây đang cho quả	đồng/m ²	20.000
1.4	Cà chua		
	Cây mới trồng, chưa phân cành	đồng/cây	2.000
	Cây phân cành, chưa cho quả	đồng/cây	5.000
	Cây cho quả	đồng/cây	10.000
1.5	Ớt		
	Cây mới trồng, chưa phân cành	đồng/cây	5.000
	Cây phân cành, chưa cho quả	đồng/cây	10.000
	Cây cho quả	đồng/cây	20.000
2	Các loại cây rau		
2.1	Các loại cây rau ăn quả thuộc họ bầu bí (dưa chuột, bí đao, bầu, bí ngô, mướp, khổ qua, ...)		

STT	Chủng loại, quy cách cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	Cây mới trồng	đồng/gốc	10.000
	Cây chưa cho quả, leo cọc và leo lên giàn	đồng/gốc	20.000
	Cây đang cho quả	đồng/gốc	40.000
2.2	Cà pháo, cà xanh, cà tím (cà dái dê)		
	Cây mới trồng, chưa phân cành	đồng/cây	5.000
	Cây chưa cho trái, đã đâm cành	đồng/cây	10.000
	Cây đang ra hoa hoặc có trái	đồng/cây	25.000
2.3	Các loại cây lấy củ (cà rốt, củ cải), bắp cải, sắn dây	đồng/m ²	9.000
2.4	Các loại cây rau xanh (rau muống, rau má, rau cải, rau dền, bồ ngót, mồng tơi, ...)	đồng/m ²	10.000
2.5	Các loại cây dây leo (đậu ngự, đậu ván, đậu rồng, đậu cô ve, đậu đũa, su su, ...)		
	Cây mới trồng chưa leo giàn	đồng/gốc	2.000
	Cây chưa cho quả, leo cọc và bò lên giàn	đồng/m ² giàn	10.000
	Cây cho quả	đồng/m ² giàn	15.000
2.6	Các loại cây rau làm gia vị thực phẩm (ngò, sả, tía tô, thì là, húng quế, húng dũi, rau thơm, diếp cá,...)	đồng/m ²	20.000
3	Đơn giá hỗ trợ công di chuyển cây kiểng		
	Cây cảnh các loại: Mai xuân, mai tứ quý, mai chiếu thủy, mai quế hương, lộc vừng, sanh, si, sộp, da giầy, bồ đề, sung, cân thăng, đình lăng,...		
	Cây mới trồng	đồng/cây	1.000
	Cây có đường kính gốc < 0,5cm	đồng/cây	4.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 0,5cm đến < 1cm	đồng/cây	10.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 1cm đến < 2cm	đồng/cây	20.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 2cm đến < 3cm	đồng/cây	50.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 3cm đến < 5cm	đồng/cây	60.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 5cm đến < 8cm	đồng/cây	70.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 8cm đến < 12cm	đồng/cây	100.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 12cm đến < 20cm	đồng/cây	150.000
	Cây có đường kính gốc ≥ 20cm	đồng/cây	300.000

2. Các loại cây hàng năm trồng tập trung

STT	Loại cây trồng	Năng suất của vụ cao nhất trong 3 năm liên kế (tạ/ha)	Năng suất tính (kg/m ²)	Thời giá sản phẩm (đồng/kg)	Đơn giá (làm tròn) (đồng/m ²)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>
1	Cây Cỏ voi, cỏ sữa, cỏ sả	330	3,30	1.100	3.600